

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 01-4-2024.
V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Văn Vũ

- Ông Huỳnh Ngọc Sơn

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Nguyễn Nhứt –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 486/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 500/TB-TA ngày 22 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Văng Thị Cẩm L, sinh năm: 2003;

Địa chỉ: ấp Q, xã H, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Trương Văn H, sinh năm 2001;

Địa chỉ: ấp Q, xã H, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị Văng Thị Cẩm L trình bày:

Chị và anh Trương Văn H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 16/9/2021. Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Trương Tuyết Đ, sinh ngày: 15/6/2021. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cãi vã nên không có hạnh phúc, nhiều lần anh H đe dọa đánh đập nên khoảng tháng 10 năm 2013 chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn.

- Về con chung: Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung do con còn nhỏ nên cần sự chăm sóc từ người mẹ và chị không yêu cầu anh H

cấp dưỡng nuôi con. Thu nhập hàng tháng cố định là 15.000.000 đồng nên đủ khả năng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa anh Trương Văn H trình bày:

Anh thống nhất về điều kiện, địa điểm kết hôn và con chung như chị Văng Thị Cẩm L trình bày. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên không thể hàn gắn được. Nay chị L yêu cầu ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh đồng ý để con chung tên Trương Tuyết Đ, sinh ngày: 15/6/2021 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng nhưng anh yêu cầu được đến thăm, chăm sóc con chung mỗi tuần 03 ngày và chị L không được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình tố tụng và tại phiên Tòa các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Văng Thị Cẩm L. Về hôn nhân: Chị L được ly hôn với anh H. Về con chung: Chị L được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trương Tuyết Đ, sinh ngày: 15/6/2021, chị L không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Anh Trương Văn H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Q, xã H, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

3.1 Về hôn nhân: Chị Văng Thị Cẩm L và anh Trương Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Thạnh Phú và được cấp

giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/9/2021. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị L và anh H được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong thời gian chung sống cả hai có những mâu thuẫn không thể hàn gắn được và quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng của anh chị. Tuy nhiên, cả chị L và anh H không mong muốn hàn gắn đoàn tụ nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Văng Thị Cẩm L là phù hợp. Chị L, anh H không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn nên không xem xét.

3.2 Về con chung: Chị L và anh H có 01 con chung tên Trương Tuyết Đ, sinh ngày: 15/6/2021.

Theo các tài liệu, chứng cứ các bên cung cấp chứng minh đủ điều kiện nuôi con. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 3, Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn theo quy định “ Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con...”. Ngoài ra, quá trình xác minh về môi trường giáo dục con chung thì chị L cũng đủ điều kiện. Do đó, cần giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi có căn cứ anh H, chị L có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng và người trực tiếp nuôi con.

3.3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị L, anh H đều trình bày không có nên không đề cập.

[4] Về án phí: Chị Văng Thị Cẩm L phải nộp án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Văng Thị Cẩm L được ly hôn với anh Trương Văn H. Không xem xét giải quyết yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn do chị L, anh H không có yêu cầu.

2. Về con chung: Chị Văng Thị Cẩm L được trực tiếp nuôi con chung tên Trương Tuyết Đ, sinh ngày: 15/6/2021. Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết, anh H, chị L có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L, anh H đều trình bày không có nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Văng Thị Cẩm L phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000491 ngày 20/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú và đã nộp xong.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- CCTHADS huyện Thạnh Phú.
- UBND xã H;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Minh Trí